

Phát huy vai trò của các bên liên quan nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp tại công ty cổ phần chứng khoán ở Việt Nam

TS. NGUYỄN THANH PHƯƠNG - NGÔ THỊ HẰNG

Học viện Ngân hàng

Hoạt động tái cấu trúc công ty chứng khoán (CTCK) ở Việt Nam theo hướng cơ cấu lại số lượng các CTCK nhằm phù hợp với quy mô của thị trường, nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực tài chính, quản trị của các CTCK, hướng các CTCK thực hiện đúng chức năng vai trò đối với thị trường. Để thực hiện tốt định hướng đó, các CTCK cần thực hiện nhiều giải pháp trong đó cần nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Quản trị doanh nghiệp tập trung xử lý mối quan hệ giữa nhiều bên, không chỉ trong nội bộ doanh nghiệp như các cổ đông, thành viên công ty, hội đồng quản trị (HĐQT), ban giám đốc (BGĐ) điều hành, mà còn những bên có lợi ích liên quan bên ngoài doanh nghiệp: Cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác kinh doanh và cả cộng đồng, xã hội. Vấn đề đặt ra là các mối quan hệ được thực hiện như thế nào tại các CTCK, các tôn tại và nguyên nhân cũng như giải pháp phát huy vai trò của các bên liên quan là gì? Bài viết xin tập trung đánh giá năng lực phát huy vai trò của HĐQT, BGĐ, ban kiểm soát (BKS) và mối quan hệ giữa CTCK với khách hàng nhằm góp phần tăng năng lực quản trị CTCK ở Việt Nam.

đi vào hoạt động, số lượng CTCK trên thị trường chỉ có 2 công ty. Tuy nhiên, số lượng CTCK được thành lập mới và đi vào hoạt động đã tăng nhanh, với số lượng CTCK nhiều nhất là giai đoạn 2009-2011 là 105 CTCK. Do khó khăn của thị trường và áp lực tái cấu trúc từ phía cơ quan quản lý và nội tại của chính CTCK, số lượng CTCK đang hoạt động tính đến 3/2015 chỉ còn 83 CTCK, trong đó có 75 công ty cổ phần chứng khoán, 22 CTCK niêm yết ở Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HSX), niêm yết ở SGDCK Hà Nội (HNX) và đăng ký giao dịch ở Upcom. Như vậy, quá trình tái cấu trúc CTCK đã dẫn đến việc sàng lọc những CTCK yếu kém, góp phần xây dựng một thị trường chứng khoán lành mạnh, minh bạch và giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư.

1. Thực trạng vai trò của các bên liên quan tại các công ty chứng khoán Việt Nam

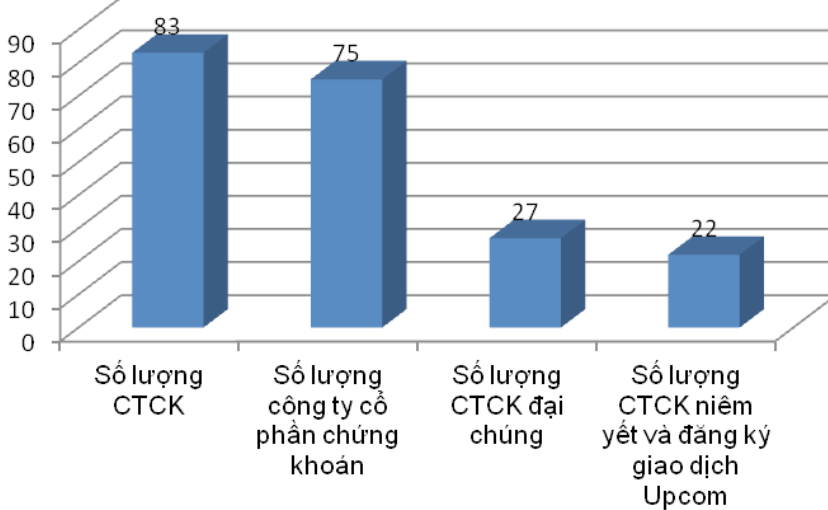
Để đánh giá đúng hơn năng

Từ khóa: CTCK
Thị trường chứng khoán Việt

Nam đi vào hoạt động từ tháng
8/2000. Ngay thời gian đầu

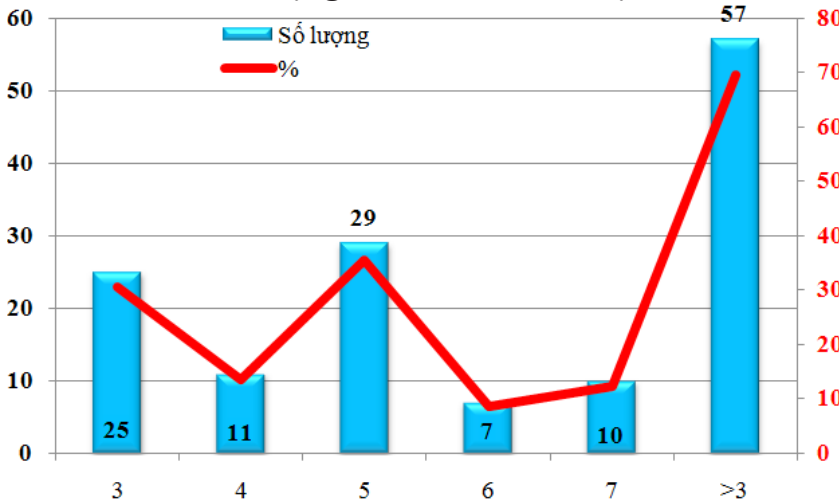


Đồ thị 1. Số lượng CTCK và công ty cổ phần chứng khoán



lực phát huy vai trò của các bên liên quan, tác giả đã tiến hành khảo sát 83 CTCK và thu về 82 phiếu hợp lệ phục vụ cho quá trình phân tích, đánh giá năng lực quản trị công ty về phương diện đánh giá vai trò của các bên có liên quan, thông qua hệ thống Bản câu hỏi khảo sát, trong đó tập trung vào nội dung về HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Khách hàng. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Hình 1. Số lượng thành viên HĐQT tại CTCK



1.1. Về vai trò của hội đồng quản trị

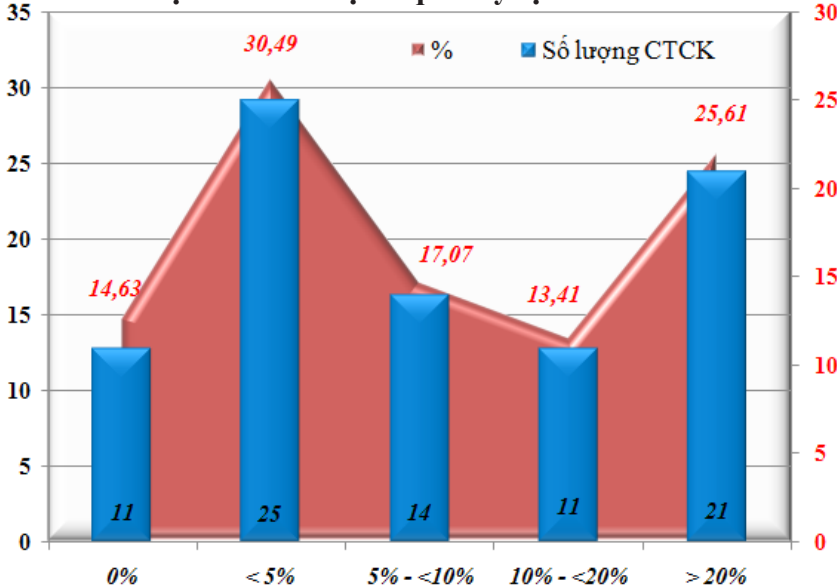
1.1.1. Cơ cấu hội đồng quản trị tại công ty chứng khoán

Điều 11 Thông tư 121/2012/TT-BTC Quy định về quản trị công ty của Bộ Tài chính, số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Kết quả khảo sát từ câu hỏi khảo sát E01 (Số lượng thành viên HĐQT):

- Về số lượng thành viên HĐQT (Hình 1) cho thấy 100% các CTCK được khảo sát đều duy trì số lượng thành viên HĐQT theo đúng quy định, trong đó chỉ có 25/82 công ty (30,49%) có số lượng thành viên HĐQT ở mức tối thiểu là 3 thành viên, còn lại hơn 69% các CTCK đạt số lượng thành viên HĐQT > 3, tuy nhiên số lượng tối đa chỉ dừng ở 7 thành viên HĐQT. Bên cạnh đó, đánh giá về tính ổn định của các vị trí lãnh đạo (Giám đốc, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban nghiệp

Hình 2.

Tính ổn định của các vị trí quản lý tại CTCK 2011- 2014





vụ) trong 3 năm gần đây (tính bằng Tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này) thì đa số (71/82 CTCK) đang có những biến động tương đối lớn, con số có tính ổn định cao nhất (0%) chỉ có 11 công ty, chiếm chưa đến 15% (Hình 1). Ngoài ra, Thông tư 121/2012/TT-BTC cũng quy định cơ cấu thành viên HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên HĐQT không điều hành. Bên cạnh đó, “Các nguyên tắc Quản trị công ty” của OECD cũng chỉ rõ HĐQT phải có khả năng đưa ra phán quyết độc lập, khách quan về các vấn đề của công ty, theo đó HĐQT phải xem xét bổ nhiệm một số lượng đủ các thành viên HĐQT không điều hành có khả năng đưa ra phán quyết độc lập đối với các vấn đề tiềm ẩn xung đột về lợi ích.

Tuy nhiên, hiện tại chỉ có 59/82 công ty (71,95%) tuân thủ quy định, trong số đó có 44 công ty duy trì tỷ lệ thành viên HĐQT ở tỷ lệ lớn hơn 1/3. Số lượng công ty chưa tuân thủ cũng còn tương đối cao, 23/82 công ty, đặc biệt có tới 11 công ty có 100% số thành viên HĐQT kiêm điều hành, hay nói cách khác tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành là 0% (Hình 3).

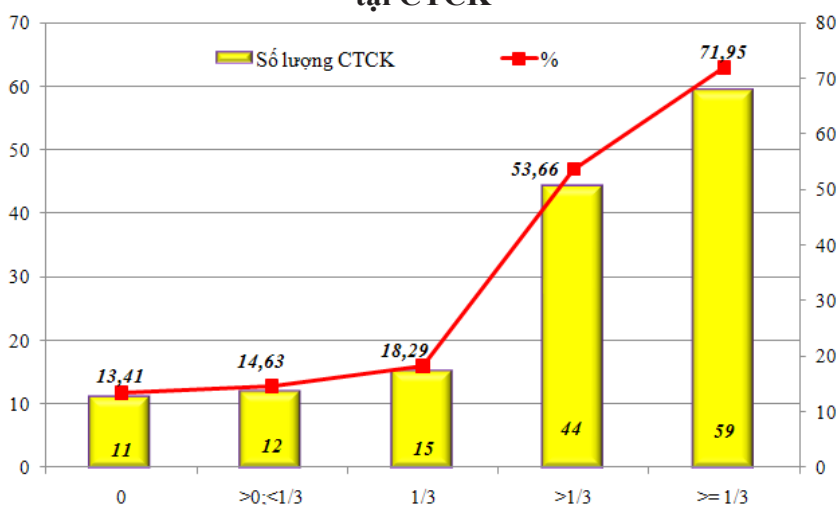
1.1.2. Tính độc lập của hội đồng quản trị

Kết quả khảo sát đã cho thấy mức độ độc lập của HĐQT tại các CTCK hiện nay chưa cao, điều này có thể ảnh hưởng lớn tới hiệu quả và sự khách quan trong quá trình giải quyết xung đột lợi ích giữa các bên liên quan trong CTCK, và hơn nữa, ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận công ty và hiệu quả công tác quản trị công ty. Để đảm bảo tính độc lập trong việc ra quyết định của HĐQT, ngoài tiêu chí về tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành ở một tỷ lệ nhất

định, đạo luật tại một số quốc gia, như Sarbanes-Oxley Act (2002, Mỹ), Cadbury Code (1992, UK), UK Corporate Governance Code (2012, UK), Corporate Governance Code (2011, Guyana),... còn yêu cầu bổ nhiệm độc lập và tách bạch vị trí Chủ tịch HĐQT và giám đốc điều hành. Tại Việt Nam, Thông tư 121/2012/TT-BTC, Điều 10, cũng quy định rõ Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

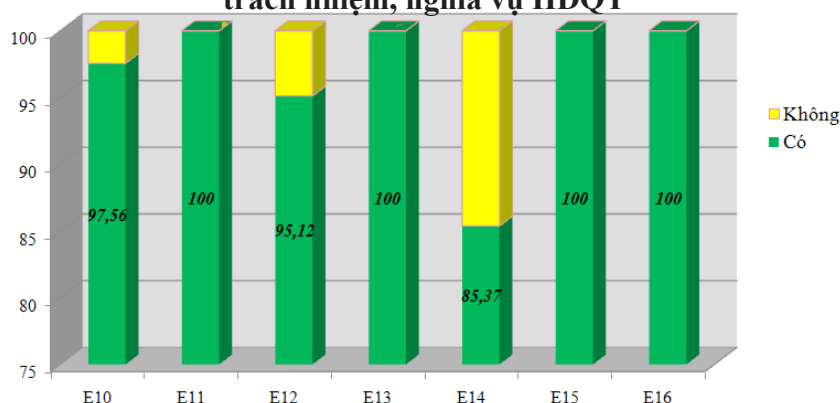
Tuy nhiên, theo kết quả phản hồi từ các CTCK tại Việt Nam về vấn đề này thông qua câu hỏi khảo sát E06- “Chủ tịch HĐQT có kiêm nhiệm chức danh Giám đốc/Tổng Giám đốc điều hành hay không?” hiện nay chỉ có 68 CTCK trong tổng số 82 công ty (chiếm gần 83%) cho biết Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm vị trí điều hành, còn lại 14 CTCK vẫn duy trì việc bổ nhiệm này và có sự thông qua tại đại hội đồng cổ đông. Mặc dù việc kiêm nhiệm này tại một bộ phận không nhỏ các CTCK vẫn tuân thủ theo quy định tại Điều 10, Thông tư 121/2012/TT-BTC, nhưng các CTCK nên thực hiện bổ nhiệm các vị trí này cho các cá nhân độc lập khác nhau bởi việc này sẽ góp phần nâng cao năng lực ra quyết định độc lập, chức năng quản trị của HĐQT cũng sẽ được thực hiện dễ dàng hơn

Hình 3. Thống kê tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành tại CTCK

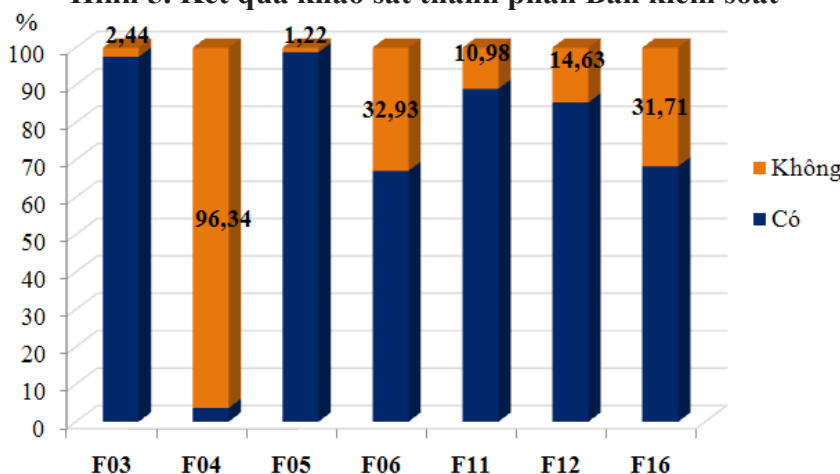




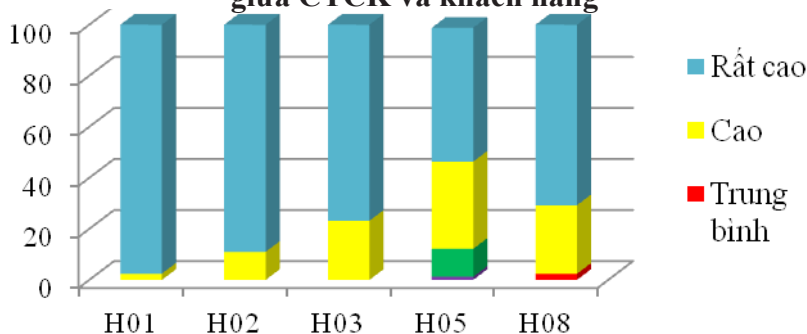
Hình 4. Kết quả khảo sát mức độ thực thi trách nhiệm, nghĩa vụ HĐQT



Hình 5. Kết quả khảo sát thành phần Ban kiểm soát



Hình 6. Kết quả khảo sát mối quan hệ giữa CTCK và khách hàng



khi cho phép HĐQT nhanh chóng ra quyết định và thông qua các chiến lược khi môi trường kinh doanh thay đổi, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi quản trị công ty và thúc đẩy kết quả kinh doanh của công ty (Vijay Kumar Kaul and V.K.Vassal (2012),

Ponnu (2008), Ritchie (2007), Gillan (2006), Brickely và cộng sự (1997)).

1.1.3. Mức độ thực thi trách nhiệm, nghĩa vụ của hội đồng quản trị

Theo “Các nguyên tắc quản trị công ty” của OECD cũng như Thông tư 121/2012/TT-BTC,

HĐQT có trách nhiệm giám sát hiệu quả thực tiễn quản trị công ty, lựa chọn, giám sát và đánh giá cán bộ quản lý chủ chốt, đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính công ty, giám sát quy trình công bố thông tin, HĐQT phải tiến hành tổ chức họp theo đúng trình tự quy định, thành viên HĐQT phải tham gia họp đầy đủ và có ý kiến rõ ràng về vấn đề được thảo luận.

Nhìn chung, HĐQT tại các CTCK được khảo sát đều thực thi tương đối tốt vai trò trách nhiệm của mình. Cụ thể, 100% CTCK đánh giá HĐQT tại đơn vị đã thực hiện tốt việc tổ chức họp định kì (E13), thành viên HĐQT tham gia dự họp đầy đủ (E15) và sau mỗi cuộc họp HĐQT, các biên bản đều được lập và thông qua (E16) theo đúng quy định của Thông tư 121 và Điều lệ công ty. Các câu hỏi còn lại cũng đạt được kết quả tương đối cao với tỷ lệ các CTCK cho rằng HĐQT đã thực hiện tốt các nghĩa vụ đạt từ hơn 85% tới hơn 97% trong tổng số các CTCK khảo sát (Hình 4).

Tuy nhiên, cần xem xét, rà soát và tăng cường công tác đánh giá thường niên của HĐQT đối với tiến độ thực hiện và hiệu quả công việc của Tổng giám đốc/Giám đốc và các cán bộ chủ chốt khác. Hiện tại vẫn còn 3 CTCK chưa tuân thủ quy định này.

1.2. Hoạt động của ban kiểm soát

Theo quy định tại Thông tư

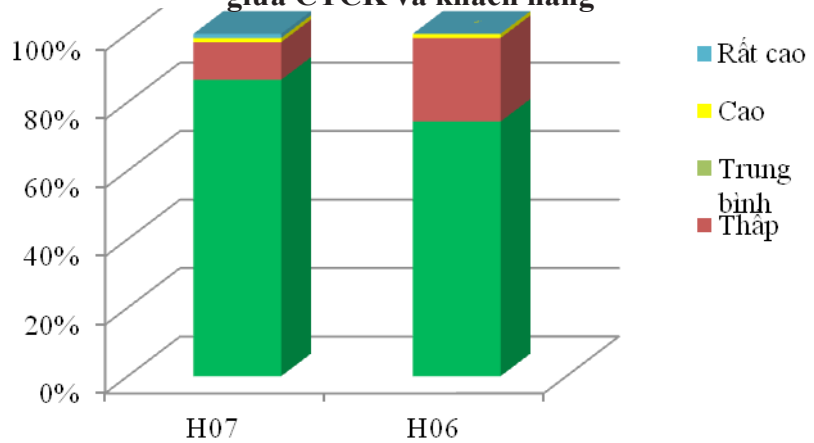


121 của Bộ Tài chính về quản trị công ty, thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty (F04) và trong thành phần Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên (F06), tuy nhiên mức độ tuân thủ của các CTCK đối với 2 yêu cầu này ở mức rất thấp. Cụ thể, có tới 96,34% (tương đương 79 công ty) trong tổng số các CTCK được khảo sát không đáp ứng được quy định đầu tiên và có 27 CTCK không có thành viên BKS là kế toán viên hoặc kiểm toán viên, điều này sẽ gây khó khăn cho BKS khi tiếp cận và tiến hành giám sát tình hình tài chính của công ty.

Bên cạnh việc giám sát về tình hình tài chính công ty, BKS còn phải giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc điều hành), cán bộ quản lý khác. Trách nhiệm này được BKS tại đa số các CTCK (81/82 công ty) tuân thủ và thực hiện tốt (F05). Kết quả khảo sát thấp hơn nhưng vẫn đạt tỷ lệ cao ở câu hỏi khảo sát F11 và F12 về công tác giám sát công bố thông tin và báo cáo tài chính của BKS.

Cũng theo Thông tư 121 của Bộ Tài chính, Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị

Hình 7. Kết quả khảo sát mối quan hệ giữa CTCK và khách hàng



Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty, tuy nhiên, hiện tại mới chỉ có 56/82 CTCK có BKS thực hiện, nghĩa là còn lại gần 32% các CTCK chưa tuân thủ quy định.

1.3. Quan hệ giữa công ty chứng khoán và khách hàng

Khảo sát các CTCK về mối quan hệ giữa công ty với khách hàng đạt kết quả khả quan tại một số khía cạnh như: Mức độ trung thực của công ty đối với khách hàng (H01); Mức độ thực hiện bảo mật thông tin cho khách hàng (H02); Mức độ đầy đủ trong việc cung cấp cho khách hàng các thông tin sản phẩm, dịch vụ của công ty (H03); Mức độ hiệu quả trong việc xử lý khiếu nại của khách hàng (H05).

Đặc biệt, khi được khảo sát về mức độ trung thực của công ty (H01) và mức độ thực hiện bảo mật thông tin cho khách hàng (H02), thì tương ứng, có tới 80/82 (97,6%) và 73/82 (89%) CTCK cho rằng việc

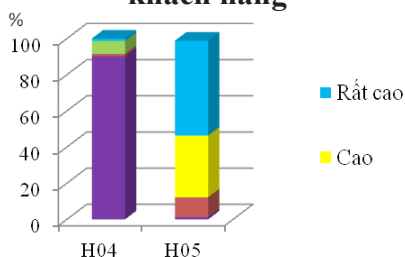
thực thi các vấn đề này tại đơn vị đạt mức độ rất cao, không có CTCK nào ở ngưỡng trung bình, thấp và rất thấp. Điều này càng củng cố thêm niềm tin của nhà đầu tư hay khách hàng khi tới tham gia giao dịch tại CTCK.

Bên cạnh đó, 100% CTCK đã cung cấp đầy đủ ở mức độ tốt và rất tốt các thông tin về sản phẩm, dịch vụ của công ty cho khách hàng (H03). Ngoài ra, các công ty cũng thực hiện tốt các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động môi giới, liên tục cung cấp và cập nhật thông tin về tình hình giao dịch cho khách hàng, cũng như thường xuyên tổ chức các buổi phân tích diễn biến thị trường trước và sau khi mở cửa thị trường cho nhà đầu tư, phối hợp với NHTM liên kết để thực hiện dịch vụ cầm cố chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán... hỗ trợ tối đa cho NĐT trong giao dịch, nhằm gia tăng tiện ích cho NĐT, tạo dựng niềm tin và uy tín cũng như thương hiệu của công ty đối với NĐT.

Tuy nhiên, trong quá trình



Hình 8. Kết quả khảo sát mối quan hệ giữa CTCK và khách hàng



thực hiện giao dịch cho NĐT, một bộ phận các CTCK vẫn còn xảy ra sai sót (Hình 7). Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung, phần lớn các CTCK đảm bảo chất lượng thao tác lệnh và thực hiện lệnh cho NĐT rất tốt, ít khi xảy ra sự cố trong giao dịch NĐT, với 61/82 CTCK (tương đương 74,4%) được khảo sát có tần suất xảy ra sự cố ở mức rất thấp, 20/82 CTCK (tương đương 24,4%) có tần suất ở mức thấp và 1,2% các CTCK (1 công ty) có mức độ xảy ra sự cố cao, không có CTCK ở mức trung bình và rất cao. Thêm vào đó, mặc dù xảy ra sai sót trong việc thực hiện, nhưng phần lớn các CTCK đã cùng hợp tác, hỗ trợ nhau cùng khắc phục đồng thời chủ động sử dụng các biện pháp khả thi khác để giải quyết tình hình xảy ra, điều này giúp cho mức độ ảnh hưởng của các sai sót này tới tình hình tài chính của NĐT phần lớn ở mức rất thấp (71/82 CTCK, 86,6%), mức thấp chiếm 10%, còn mức độ tác động cao và rất cao chỉ chiếm 1,2% cho mỗi mức độ. Ngoài vấn đề về sai sót trong giao dịch, nhóm nghiên cứu còn khảo sát tình hình khiếu

nại của khách hàng/NĐT đối với công ty (Hình 8). 74/82 CTCK, tương đương 90,2% trong tổng số các CTCK tham gia khảo sát cho biết tần suất xuất hiện khiếu nại của khách hàng tại công ty (H04) ở mức rất thấp, 7,3% các CTCK (6/82) có tần suất xuất hiện khiếu nại ở mức trung bình và 1,2% tương ứng 1/82 CTCK cho biết tần suất xảy ra khiếu nại ở mỗi mức thấp và cao. Tuy nhiên, khi có khiếu nại, thì mức độ hiệu quả trong việc xử lý khiếu nại khách hàng của CTCK chưa thực sự tốt khi chỉ có 43/82 CTCK được khảo sát có mức độ hiệu quả rất cao trong việc xử lý khiếu nại, chiếm 52,4%, 28/82 CTCK (34%) đạt hiệu quả xử lý ở mức cao, và còn tới gần 11% CTCK (9 công ty) có mức độ hiệu quả chỉ đạt mức thấp và 1 công ty có mức độ hiệu quả là rất thấp. Như vậy, qua kết quả tần suất xuất hiện khiếu nại (H04), có thể thấy phần lớn các CTCK có chế độ, chính sách chăm sóc khách hàng/NĐT, có mối quan hệ tốt với khách hàng giao dịch tại đơn vị.

2. Một số tồn tại và giải pháp nhằm phát huy vai trò của các bên liên quan tại công ty cổ phần chứng khoán ở Việt Nam

Mặc dù năng lực thực thi trách nhiệm đối với các bên liên quan cho công ty cổ phần chứng khoán Việt Nam thời gian qua đã có nhiều cải thiện, tuy nhiên, hoạt động này còn **một số tồn tại** sau:

Thứ nhất, mức độ nhận thức vị thế và mức độ quan tâm đến vai trò của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty chưa đạt yêu cầu, thậm chí đó vẫn còn là những khái niệm tương đối mới trong thực tiễn quản trị công ty ở Việt Nam nói chung và CTCK nói riêng.

Thứ hai, cấu trúc HĐQT của các CTCK còn chưa đáp ứng các yêu cầu của thông lệ quản trị tốt như thiếu các thành viên độc lập thực sự trong thành phần HĐQT của công ty, chưa thiết lập Tiểu ban kiểm toán trong HĐQT,... từ đó chưa phát huy tốt cơ chế phản biện trong quá trình ra quyết định của HĐQT, làm giảm hiệu quả hoạt động, quản lý công ty của HĐQT.

Thứ ba, vai trò cũng như vị thế của Ban kiểm soát trong cơ cấu quản trị công ty mặc dù đã được xác lập nhưng mức độ minh bạch trong các chính sách, cơ chế hoạt động chưa cao; thiếu những báo cáo có chất lượng của Ban kiểm soát cho cổ đông để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban giám đốc công ty.

Thứ tư, phương thức đánh giá và cơ chế xác lập trách nhiệm của thành viên HĐQT, BKS đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty chưa được thiết lập và công bố công khai.

Năng lực phát huy vai trò của HĐQT, BGD, BKS cũng như giữa CTCK với khách hàng xuất phát từ **một số nguyên nhân cơ bản** sau:



- Mức độ đại chúng của các CTCK trên Sở giao dịch chứng khoán chưa thực sự cao nên chưa tạo được những áp lực đủ mạnh từ các cổ đông công ty để nâng cao về chất hoạt động quản trị công ty. Số lượng các công ty cổ phần chứng khoán niêm yết trên TTCK Việt Nam hiện nay chiếm khoảng 25% tổng số các công ty cổ phần chứng khoán hiện đang hoạt động. Thực tế này cho thấy sự lệch pha trong yêu cầu về vốn, hiệu quả hoạt động kinh doanh, công khai minh bạch thông tin,... giữa hai nhóm công ty nêu trên. Để được niêm yết buộc các CTCK phải đáp ứng những tiêu chuẩn trên, và ở các Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP. HCM hiện nay buộc các công ty phải đáp ứng cả tiêu chuẩn về quản trị doanh nghiệp. Do vậy, việc thực hiện và tuân thủ các nguyên tắc về quản trị doanh nghiệp không còn là yếu tố chủ quan và mà yêu cầu mang tính bắt buộc đối với CTCK. Đây cũng là yêu cầu hoàn toàn đúng đắn theo thông lệ quốc tế vì CTCK là định chế tài chính mà trách nhiệm của nó không chỉ giới hạn trong kết quả kinh doanh mà ở cả hiệu quả hoạt động của thị trường thông qua vai trò cung ứng dịch vụ trung gian tài chính cho thị trường.

- Quy mô hoạt động còn nhỏ so với các định chế tài chính khác trên thị trường tài chính Việt Nam cũng như TTCK ở các nước trong khu vực, do đó ứng xử về tài chính, quản

trị doanh nghiệp bị hạn chế hơn. Hiện nay, gần 70% các CTCK có quy mô vốn chủ sở hữu dưới 300 tỷ đồng (tương đương khoảng 15 triệu USD), số CTCK có mức vốn chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng chiếm chưa đầy 10%, trong số đó chỉ có duy nhất 1 CTCK Sài Gòn có vốn chủ sở hữu trên 5.000 tỷ đồng trong hai năm trở lại đây (tương đương khoảng 250 triệu USD). Quy mô vốn nhỏ làm hạn chế khả năng đầu tư công nghệ, tuyển chọn nhân tài và mời thành viên HĐQT độc lập nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh càng gay gắt.

- Công tác đào tạo về quản trị công ty tiếp cận với những nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế vẫn còn chưa được thực hiện đồng bộ và hệ thống ở cả cấp quốc gia, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cũng như bản thân các công ty ở Việt Nam.

- Chế tài xử lý các vi phạm trong công tác quản trị công ty hướng đến thông lệ tốt, nhất là những chế tài liên quan đến vi phạm về công bố thông tin, bảo vệ quyền hợp pháp và đối xử công bằng đối với các cổ đông còn chưa đủ mạnh, hiệu lực chưa cao.

- Vai trò giám sát, trách nhiệm của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của các Sở giao dịch chứng khoán, của các Hiệp hội nghề nghiệp trong quá trình nâng cao chất lượng quản trị CTCK chưa thực sự được thúc đẩy và phát huy ở mức độ cao nhất.

Để thực hiện tốt năng lực quản trị CTCK; phát huy được vai trò của HĐQT, BGD, BKS cũng như tăng cường mối quan hệ giữa CTCK với khách hàng, cần thực hiện **đồng bộ các giải pháp:**

Thứ nhất, có cơ chế khuyến khích, thậm chí bắt buộc niêm yết hoặc đăng ký giao dịch đối với CTCK chứng khoán đủ điều kiện. Qua đó, các CTCK chứng khoán có trách nhiệm và nâng cao hơn tính tuân thủ các quy định về quản trị công ty.

Thứ hai, Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Khoa học về chứng khoán cần tăng cường tổ chức các lớp đào tạo về quản trị công ty cho thành viên HĐQT, BGD và BKS nhằm giúp các họ hiểu và nhận thức rõ trách nhiệm của mình.

Thứ ba, các CTCK đặc biệt là các CTCK có quy mô vốn nhỏ cần có kế hoạch đàm phán với các đối tác nước ngoài để tăng vốn, hoặc có kế hoạch hợp nhất, sáp nhập với các CTCK khác nhằm tăng quy mô vốn của mình. Qua đó, tạo điều kiện cho công ty có thể mua được hệ thống công nghệ hiện đại cũng như tuyển dụng được đội ngũ quản lý có chất lượng và nâng cao năng lực quản trị của mình.

Thứ tư, việc đánh giá tiến độ thực hiện và hiệu quả công việc của Tổng giám đốc/Giám đốc và cán bộ chủ chốt nên tiến hành thường xuyên, đầy đủ. Qua đó, sẽ góp phần tăng cường năng lực và hiệu quả quản trị của HĐQT cũng như



hoạt động của công ty, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

Thứ năm, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán cần tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các CTCP chứng khoán vi phạm. Đề xuất với cơ quan liên quan để tăng mức hình phạt đối với các lỗi vi phạm về quản trị công ty, đặc biệt là chế tài xử phạt đối với các thành viên HĐQT, BGD, BKS vi phạm các quy định về quản trị công ty. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, Quyết định 62 / QĐ-BTC Về việc phê duyệt Đề án tái cấu trúc các CTCK.
2. Cao Thị Vân Anh và Lê công Hoa (2014), Vai trò của quản trị công ty trong mối quan hệ với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 201, tập 2 (03/2014), tr 63- 69.
3. Đỗ Tiến Thịnh- Giám đốc Trung tâm HTNVĐKKD “Tổng quan pháp luật về quản trị doanh nghiệp”.
4. Duc Vo and Phan Thuy (2013), Corporate Governance and Firm

Performance: Empirical Evidence from Vietnam.

5. HNX, Cẩm nang quản trị công ty.
6. Hạ Thị Thiều Dao (2012), Quản trị công ty trong các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 178, 04/2012, tr 10- 17.
7. Trần Thị Xuân Anh, Trịnh Văn Điển (3/2015), Kỳ yếu hội thảo khoa học “Quản trị doanh nghiệp cho công ty cổ phần chứng khoán trong quá trình tái cấu trúc TTCKVN”.

Phụ lục Câu hỏi khảo sát

B01	Công ty có công bố sơ đồ minh họa cấu trúc Quản trị của công ty?
B02	Công ty có văn bản nào quy định phương pháp quản trị của đơn vị?
B03	Công ty có văn bản nào quy định trách nhiệm, vai trò, thành phần của HĐQT, BKS?
B04	Công ty có văn bản nào quy định minh bạch và công bố thông tin?
B05	Công ty có văn bản nào quy định đối xử với cổ đông thiểu số?
B06	Nhà quản lý cấp cao và HĐQT có thông qua các kế hoạch thường niên của doanh nghiệp hay không?
B07	Công ty có hướng dẫn hay chính sách Quản trị công ty trong đó nêu rõ các vấn đề quản trị của công ty, đặc biệt là vai trò của HĐQT và BKS hay không?
B08	Công ty có sử dụng bộ chuẩn QTCT trong nước hay quốc tế để phác thảo nên bộ quản lý công ty của riêng mình hay không?
B09	HĐQT có thiết lập một hội đồng về quản trị công ty để phối hợp và thống nhất việc thực thi quy trình quản trị công ty hay không?
B10	Có ai trong công ty chịu trách nhiệm chính trong việc đảm bảo công ty sẽ hoạt động tuân thủ theo luật pháp cũng như các hiến chương và chính sách QTCT đề ra không?
B11	Công ty có định kỳ công bố báo cáo quản trị công ty hay không?
B12	Trước năm 2012, công ty có văn bản nào liên quan tới việc quản trị công ty hay không?
C05	Cổ đông có được bỏ phiếu về bổ nhiệm và bãi nhiệm HĐQT không?
C06	Cổ đông có được bỏ phiếu về bổ nhiệm và bãi nhiệm đối với Ban kiểm soát không?
C16	Công ty có cơ chế cho phép cổ đông thiểu số đề cử thành viên HĐQT không?
C17	Cổ phần công ty có được cổ đông lớn sở hữu < 40% không?
C18	Công ty có bộ phận/phòng ban Quan hệ cổ đông không?
C27	Chính sách ngăn ngừa sử dụng thông tin nội bộ có được công ty xây dựng và thực thi hiệu quả?
C28	Mức độ khác biệt giữa quyền cổ đông thiểu số và cổ đông lớn trong quyết định các vấn đề quan trọng của công ty như bầu cử HĐQT, bổ sung vấn đề mới vào chương trình nghị sự của ĐHCĐ.?
C29	Mức độ kiểm soát và giảm thiểu các giao dịch nội gián của hệ thống quản trị công ty.
H01	Mức độ trung thực của công ty đối với khách hàng.
H02	Mức độ thực hiện bảo mật thông tin cho khách hàng của công ty.
H03	Mức độ đầy đủ trong việc cung cấp cho khách hàng các thông tin sản phẩm, dịch vụ của công ty.
H05	Mức độ hiệu quả trong việc xử lý khiếu nại của khách hàng của công ty.
H08	Mức độ tận tình và tôn trọng khách hàng của nhân viên công ty.
H06	Tần suất xuất hiện các sự cố trong đặt lệnh giao dịch cho khách hàng.



H07	Mức độ ảnh hưởng của các sự cố này tới kinh tế/ tài chính của khách hàng.
H04	Tần suất xuất hiện các của khách hàng đối với công ty.
H05	Mức độ hiệu quả trong việc xử lý khiếu nại của khách hàng công ty.
G03	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), PGĐ, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây? (Trong đó, 0% tương ứng với tỷ lệ biến động nhân sự thấp nhất)
E02	Số lượng thành viên HĐQT không điều hành.
E10	HĐQT có tiến hành đánh giá Tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt khác hàng năm hay không?
E11	Công ty có văn bản cụ thể nào đề cập tới chức năng và trách nhiệm HĐQT không?
E12	HĐQT có thực hiện tự đánh giá hoặc rà soát về tính hiệu quả của các hoạt động của HĐQT không?
E13	HĐQT có họp ít nhất 4 lần một năm không?
E14	Chương trình họp có được chuẩn bị bằng văn bản và chuyển cho các thành viên trước khi họp HĐQT hay không?
E15	Thành viên HĐQT có tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT hay không?
E16	Các biên bản cuộc họp HĐQT có được lập và thông qua sau mỗi cuộc họp hay không?
F03	Số lượng thành viên BKS có nằm trong quy định không? (ít nhất là 03, nhiều nhất là 05).
F04	Thành viên BKS có thuộc bộ phận kế toán, bộ phận tài chính công ty, hoặc thành viên/nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang kiểm toán báo cáo tài chính của công ty không?
F05	Ban kiểm soát có đánh giá hoạt động của HĐQT không?
F06	Số lượng thành viên BKS có ít nhất 1 thành viên là kế toán viên/ kiểm toán viên không?
F11	Ban kiểm soát có đánh giá báo cáo tài chính của công ty?
F12	Ban kiểm soát có giám sát tất cả các thông tin công bố của công ty?
F16	Ban kiểm soát có được đề cử công ty kiểm toán độc lập?

SUMMARY

Enhancing the role of related parties aims to sharpening corporate governance’s performance in Joint-stock securities firms in Vietnam

The restructuring of Vietnamese securities companies towards narrowing down the number of companies aims to maintain a reasonable number of companies compared to the market scale, improve their business performances, financial and managerial capabilities and direct them towards maintaining their functions and roles to the market. In order to fulfill such goals, securities companies need to apply various solutions, including increasing the capability of corporate governance. Corporate governance focuses on dealing with multilateral relationships, not only those inside the company such as between shareholders, employees, Board of Director, Board of Management, but also with external parties having beneficial relationships with the institute: State authorities, business partners, and the community... However, how these relationship are implemented in securities firm, and what drawbacks and reasons for those experiences, remained open questions. Hence, this paper will shed light on these problems by investigating and evaluating working performance of board of directors, board of managers, executive board, and the typical relationship between clients and securities firms as well.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Thanh Phương, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính- Ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng

Email: phuonghvn@gmail.com

Ngô Thị Hằng

Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính- Ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng

Email: phuonghvn@gmail.com